GENERALI

TÀI LIỆU MINH HỌA BÁN HÀNG CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM VITA – AN VUI NHƯ Ý 2.0

Sản phẩm bảo hiểm Liên kết chung của **Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Generali Việt Nam**

Nghiệp vụ bảo hiểm: **Bảo hiểm liên kết đầu tư**

GÓI SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG

THẾ HỆ MỚI **VITA** AN VUI NHƯ Ý

PHIÊN BẢN 2.0

Chi phí **vừa tầm, tận tâm** bảo vệ

Giải pháp đơn giản,
lựa chọn vừa tầm

Bảo vệ toàn diện,
"cân" nhiều rủi ro

Quỹ sức khỏe "xịn",
quyền lợi thiết thực

I. THÔNG TIN CHUNG

Thông tin công ty

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Generali Việt Nam ("Generali Việt Nam") được Bộ Tài chính cấp Giấy phép thành lập và hoạt động số 61GP/KDBH, ngày 20/04/2011. Generali Việt Nam cung cấp giải pháp tài chính đa dạng cho khách hàng cá nhân và doanh nghiệp thông qua các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ: bảo vệ, tiết kiệm, đầu tư và sản phẩm bảo hiểm sức khỏe. Để tiếp tục mở rộng quy mô hoạt động tại Việt Nam, Generali Việt Nam đã tăng vốn điều lệ lên đến 8.202,6 tỷ VND

Theo dõi và liên hệ chúng tôi tại

TRỤ SỞ CHÍNH

GENERALI PLAZA HỒ CHÍ MINH

43-45 Tú Xương, P. Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Hotline: 1900 96 96 75

Email: info@generali-life.com.vn

Số điện thoại Doanh nghiệp: (+84) 28 6288 6888

Website: generali.vn

Báo cáo sản phẩm & hoạt động quỹ
https://generali.vn/lai-suat

Các trung tâm dịch vụ khách hàng của Generali Việt Nam:
https://generali.vn/bao-hiem-ca-nhan/lien-he/ho-tro/danh-sach-dia-diem

II. THÔNG TIN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Đơn vị: Nghìn đồng

Bên mua bảo hiểm: NGUYỄN VĂN A **Tuổi: 30** **Giới tính: Nam** **Nhóm nghề nghiệp: 3** **Nghề nghiệp: Công nhân dây chuyền, sản xuất (độ cao làm việc <4m)**

Định kỳ đóng phí: Hàng năm **Thời hạn đóng phí dự kiến: 20 năm** **Thời hạn đóng phí bắt buộc: 4 năm**

Người được bảo hiểm	Tuổi	Giới tính	Nhóm nghề nghiệp	Tỉ lệ tăng phí bảo hiểm rủi ro (%)	Quyền lợi bảo hiểm	Số tiền bảo hiểm	Thời hạn đóng phí (năm)	Thời hạn bảo hiểm (năm)	Phí BH hàng năm
NGUYỄN VĂN A	30	Nam	3	-	Bảo hiểm liên kết chung VITA - AN VUI NHƯ Ý 2.0 - Gói AN 8 Quyền lợi cơ bản	273.015	69	69	6.067

Sản phẩm bán kèm

Người được bảo hiểm	Tuổi	Giới tính	Nhóm nghề nghiệp	Phí bảo hiểm tăng thêm	Quyền lợi bảo hiểm	Số tiền bảo hiểm	Thời hạn đóng phí (năm)	Thời hạn bảo hiểm (năm)	Phí BH hàng năm
NGUYỄN VĂN A	30	Nam	3	-	VITA - Sức Khỏe Vàng 2025				
				-	- Nội trú - Tiết Kiệm	-		Tái tục hằng năm	1.595
				-	Bảo hiểm tử vong và thương tật do Tai nạn 2025 - Nâng Cao	100.000	20	20	338

	Hàng năm	Hàng nửa năm
Phí bảo hiểm cơ bản theo định kỳ của Năm 1 (a)	6.067	3.034
Phí bảo hiểm (các) sản phẩm bán kèm theo định kỳ của Năm 1 (b)	1.933	967
Tổng phí bảo hiểm theo định kỳ của Năm 1 (c) = (a) + (b)	8.000	4.000
Phí bảo hiểm đóng thêm Năm 1 (d)	-	
Tổng phí bảo hiểm đóng tại Năm 1 (e) = (c) + (d)	8.000	
Tổng Phí bảo hiểm đóng thêm dự kiến trong suốt thời hạn bảo hiểm	-	
Tổng số tiền rút dự kiến trong suốt thời hạn bảo hiểm	-	

Ghi chú Mục II. "THÔNG TIN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM"

- Đối với sản phẩm Bảo hiểm Liên kết chung VITA - An Vui Như Ý 2.0: Thời hạn đóng phí tối đa bằng thời hạn bảo hiểm, tuy nhiên Bên mua bảo hiểm không bắt buộc đóng phí đến hết thời hạn này. Trong 04 Năm hợp đồng đầu tiên, Phí bảo hiểm cơ bản phải được đóng đầy đủ và đúng hạn. Từ Năm hợp đồng thứ 5 trở đi, Bên mua bảo hiểm có thể linh hoạt đóng phí theo thời hạn đóng phí dự kiến trên Tài liệu minh họa bán hàng. Việc tạm ngưng đóng phí có thể làm cho Hợp đồng mất hiệu lực và/hoặc không đạt được kết quả đầu tư như mong muốn.
- Đối với các sản phẩm bán kèm: thời hạn đóng phí bằng thời hạn bảo hiểm. Sản phẩm bán kèm sẽ mất hiệu lực nếu phí bảo hiểm theo định kỳ không được đóng đầy đủ và đúng hạn sau thời gian gia hạn đóng phí.
- Đối với sản phẩm VITA - Sức Khỏe Vàng 2025/VITA - Sức Khỏe Kim Cương 2025:
  + Phí bảo hiểm được thể hiện trên đây là phí của Năm hợp đồng đầu tiên. Phí bảo hiểm của các Năm hợp đồng tiếp theo có thể thay đổi theo quyền lợi bảo hiểm, tuổi, tình trạng sức khỏe thực tế, nghề nghiệp, quốc gia cư trú của Người được bảo hiểm tại Ngày kỷ niệm năm hợp đồng. Bằng việc đóng phí bảo hiểm, Bên mua bảo hiểm đã chấp thuận tái tục sản phẩm bảo hiểm này.
  + Thời hạn bảo hiểm được xác định như sau:
  Quyền lợi Nội trú, Ngoại trú, Nha khoa: 01 năm và tái tục hàng năm, tối đa đến khi Người được bảo hiểm đạt 75 Tuổi hoặc chấm dứt theo quy định tại Quy tắc và Điều khoản sản phẩm.
  Quyền lợi Thai sản: 01 năm và tái tục hàng năm, tối đa đến khi Người được bảo hiểm đạt 50 Tuổi hoặc chấm dứt theo quy định tại Quy tắc và Điều khoản.
  + Nếu Người được bảo hiểm cùng lúc được bảo hiểm theo sản phẩm này và nhiều chương trình bảo hiểm sức khỏe của bên thứ ba (được hiểu là chương trình bảo hiểm sức khỏe tại công ty bảo hiểm khác, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế của Việt Nam hoặc của nước sở tại nơi Người được bảo hiểm sử dụng các dịch vụ y tế theo sản phẩm này), Generali Việt Nam sẽ chỉ thanh toán phần Chi phí y tế thực tế còn lại không được chi trả theo chương trình bảo hiểm của bên thứ ba, nếu Chi phí y tế thực tế được yêu cầu chi trả đáp ứng các Nguyên tắc chi trả được quy định tại Quy tắc và Điều khoản sản phẩm.

III. THÔNG TIN CHI TIẾT

1. QUYỀN LỢI SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG VITA - AN VUI NHƯ Ý 2.0

QUYỀN LỢI	SỐ TIỀN CHI TRẢ	ĐIỀU KIỆN CHI TRẢ QUYỀN LỢI
A. QUYỀN LỢI BẢO HIỂM RỦI RO		
Tử vong	Số tiền nào lớn hơn giữa: - Số tiền bảo hiểm; và - Giá trị Tài khoản cơ bản; Cộng với Giá trị Tài khoản đóng thêm (nếu có).	Hợp đồng còn hiệu lực
Thương tật toàn bộ vĩnh viễn ("TTTBVV")	Số tiền nào lớn hơn giữa: - Số tiền bảo hiểm; và - Giá trị Tài khoản cơ bản; Cộng với Giá trị Tài khoản đóng thêm (nếu có).	Hợp đồng còn hiệu lực

Khi xảy ra Sự kiện bảo hiểm đối với Người được bảo hiểm dưới 04 Tuổi, Số tiền bảo hiểm dùng để chi trả quyền lợi sẽ được điều chỉnh theo quy định tại Quy tắc và Điều khoản sản phẩm.

<table>
<tr><th>QUYỀN LỢI</th><th>SỐ TIỀN CHI TRẢ</th><th>ĐIỀU KIỆN CHI TRẢ QUYỀN LỢI</th></tr>
<tr><td colspan="3">B. QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ</td></tr>
<tr><td>Hưởng lãi từ kết quả đầu tư của Quỹ liên kết chung (*)</td><td>Giá trị tài khoản hợp đồng sẽ được hưởng lãi hàng tháng theo mức lãi suất đầu tư của Quỹ liên kết chung. Lãi suất đầu tư (**) được áp dụng sẽ không thấp hơn lãi suất đầu tư cam kết được liệt kê trong bảng sau:
<table>
<tr><td>Năm Hợp đồng</td><td>1</td><td>2-5</td><td>6-10</td><td>11-13</td><td>14-16</td><td>17+</td></tr>
<tr><td>Lãi suất đầu tư cam kết (%/năm)</td><td>3,5%</td><td>3,0%</td><td>2,0%</td><td>1,5%</td><td>1,0%</td><td>0,5%</td></tr>
</table></td><td>Hợp đồng còn hiệu lực</td></tr>
<tr><td colspan="3">C. QUYỀN LỢI GIA TĂNG GIÁ TRỊ TÀI KHOẢN</td></tr>
<tr><td>Thưởng định kỳ</td><td>
<table>
<tr><th>Ngày kỷ niệm Năm hợp đồng thứ</th><th>% chi trả</th><th>Số tiền chi trả</th></tr>
<tr><td>05,10,15,20,25,30,35,40,45,50,55,60, 65,70,75,80,85,90,95</td><td>15%</td><td>15%*Giá trị bình quân của Giá trị Tài khoản cơ bản trong 60 tháng liên tiếp của mỗi kỳ xét thưởng.</td></tr>
</table></td><td>Hợp đồng còn hiệu lực và thỏa các điều kiện sau:
(i) Đóng đủ Phí bảo hiểm cơ bản;
(ii) Không để Hợp đồng mất hiệu lực liên tục quá 180 ngày;
(iii) Không rút tiền từ Tài khoản cơ bản;
(iv) Không giảm Số tiền bảo hiểm.</td></tr>
<tr><td>Thưởng đặc biệt</td><td>
<table>
<tr><th>Kỳ xét thưởng</th><th>Thời điểm trả thưởng tại Ngày kỷ niệm năm hợp đồng thứ</th><th>Số tiền chi trả
theo % Phí bảo hiểm cơ bản của Năm hợp đồng đầu tiên tại Ngày hiệu lực hợp đồng</th></tr>
<tr><td>Từ đầu Năm hợp đồng thứ 01 đến cuối Năm hợp đồng thứ 15</td><td>15</td><td>50%</td></tr>
<tr><td>Từ đầu Năm hợp đồng thứ 01 đến cuối Năm hợp đồng thứ 20</td><td>20</td><td>50%</td></tr>
<tr><td>Từ đầu Năm hợp đồng thứ 01 đến cuối Năm hợp đồng thứ 25</td><td>25</td><td>100%</td></tr>
<tr><td>Từ đầu Năm hợp đồng thứ 01 đến cuối Năm hợp đồng thứ 30</td><td>30</td><td>100%</td></tr>
</table></td><td>Hợp đồng còn hiệu lực và thỏa các điều kiện sau:
(i) Đóng đủ Phí bảo hiểm cơ bản;
(ii) Không để Hợp đồng mất hiệu lực liên tục quá 180 ngày;
(iii) Không rút tiền từ Tài khoản cơ bản;
(iv) Không giảm Phí bảo hiểm cơ bản.</td></tr>
</table>

<table>
<tr><th>QUYỀN LỢI</th><th>SỐ TIỀN CHI TRẢ</th><th>ĐIỀU KIỆN CHI TRẢ QUYỀN LỢI</th></tr>
<tr><td colspan="3">C. QUYỀN LỢI GIA TĂNG GIÁ TRỊ TÀI KHOẢN</td></tr>
<tr><td>Thưởng sự kiện đặc biệt
(Áp dụng 01 lần trong suốt thời hạn hợp đồng bất kể phát sinh nhiều Sự kiện áp dụng)</td><td>
<table>
<tr><th>Sự kiện áp dụng</th><th>% chi trả</th><th>Số tiền chi trả</th></tr>
<tr><td>- Người được bảo hiểm kết hôn;
- Người được bảo hiểm: là nữ sinh con; hoặc là nam có vợ sinh con; hoặc nhận con nuôi;
- Người được bảo hiểm kỷ niệm ngày cưới mỗi 10 năm.</td><td>20%</td><td>20%*Phí bảo hiểm cơ bản của Năm hợp đồng đầu tiên tại Ngày hiệu lực hợp đồng, tối đa 25 triệu đồng</td></tr>
</table>
</td><td>Hợp đồng còn hiệu lực;
Sự kiện áp dụng phát sinh sau Thời gian cân nhắc</td></tr>
</table>

(*) Generali Việt Nam thực hiện chính sách đầu tư thận trọng. Danh mục quỹ chủ yếu là công cụ thu nhập cố định như Trái phiếu Chính phủ, Tiền gửi hoặc Chứng chỉ tiền gửi, Trái phiếu hoặc Cổ phiếu phát hành bởi các Công ty có hoạt động ổn định và sức khoẻ tài chính lành mạnh. Tuỳ vào tình hình thị trường tài chính và khẩu vị rủi ro ở mỗi thời điểm xem xét, Quỹ cũng có thể xem xét đầu tư Chứng chỉ quỹ của các quỹ đầu tư có hoạt động bền vững và khẩu vị rủi ro tương đồng với Generali Việt Nam.

(**) Lãi suất đầu tư: là mức lãi suất được áp dụng để xác định số tiền lãi được cộng và tích lũy vào Giá trị Tài khoản hợp đồng. Lãi suất đầu tư được Generali Việt Nam công bố tại từng thời điểm dựa trên lãi suất đầu tư thực tế từ Quỹ liên kết chung sau khi trừ đi Phí quản lý quỹ.

Chi tiết về quyền lợi bảo hiểm và điều kiện chi trả được quy định trong Quy tắc và Điều khoản.

III. THÔNG TIN CHI TIẾT (tiếp theo)

2. TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM BÁN KÈM

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	Quyền lợi bảo hiểm	Số tiền chi trả				
		NGUYỄN VĂN A				
1	**BH tử vong và thương tật do Tai nạn 2025**	**Nâng cao**				
	Chấn thương nội tạng do Tai nạn	Tối đa 15.000/ thương tật				
	Gãy xương do Tai nạn	Tối đa 30.000/ thương tật				
	Vận chuyển cấp cứu do Tai nạn	2.500/Tai nạn Tối đa 5.000/ Năm hợp đồng				
	Thương tật vĩnh viễn do Tai nạn	Tối đa 100.000 theo mức độ Thương tật				
	Bỏng do Tai nạn	Tối đa 100.000 theo mức độ Bỏng				
	Tử vong do Tai nạn máy bay khi Người được bảo hiểm đang là hành khách trên chuyến bay dân dụng.	300.000				

1	Tử vong do (i) Tai nạn giao thông khi Người được bảo hiểm đang là hành khách có mua vé trên phương tiện giao thông công cộng, hoặc (ii) Tai nạn do thang máy gây ra khi Người được bảo hiểm đang trong thang máy (không bao gồm thang máy hoạt động trong hầm mỏ, tại các công trình xây dựng hoặc nhà ở riêng lẻ), hoặc (iii) Tai nạn là hậu quả trực tiếp của hỏa hoạn tại tòa nhà công cộng; cụ thể các trường hợp theo Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm.	200.000				
	Tử vong do Tai nạn trong các trường hợp khác	100.000				
	Vợ hoặc chồng của Người được bảo hiểm cũng tử vong do cùng Tai nạn với Người được bảo hiểm và quyền lợi Tử vong do Tai nạn của Người được bảo hiểm được Generali chấp thuận chi trả	Chi trả thêm 100.000				
2	**VITA - Sức Khỏe Vàng 2025**					
	Nội trú	Tối đa 120.000 /Năm hợp đồng				
	Ngoại trú					
	Nha khoa					
	Thai sản					
	Nhân đôi hạn mức (điều trị nội trú các bệnh Ung thư, Đột quỵ, Nhồi máu cơ tim)	Tối đa 120.000				

GHI CHÚ:

- Bảo hiểm tử vong và thương tật do Tai nạn 2025: Quyền lợi Tử vong do Tai nạn sẽ trừ đi (các) quyền lợi Thương tật vĩnh viễn do Tai nạn, Bỏng do Tai nạn, Chấn thương cơ quan nội tạng do Tai nạn, Gãy xương do Tai nạn, Vận chuyển cấp cứu do Tai nạn đã chi trả trước đó (nếu có). Khi xảy ra Sự kiện được bảo hiểm đối với Người được bảo hiểm dưới 04 Tuổi, Số tiền bảo hiểm dùng để chi trả quyền lợi sẽ được điều chỉnh theo quy định tại Quy tắc và Điều khoản sản phẩm.
- Đối với sản phẩm VITA - Sức Khỏe Vàng 2025/ VITA - Sức Khỏe Kim Cương 2025: Kể từ ngày bắt đầu áp dụng (theo quy định tại Quy tắc và Điều khoản sản phẩm), quyền lợi nhân đôi hạn mức sẽ có hiệu lực trong vòng 36 tháng hoặc đến khi hạn mức tăng thêm được sử dụng hết, tùy thời điểm nào đến trước. Quyền lợi nhân đôi hạn mức chỉ được áp dụng 01 lần duy nhất, bất kể sản phẩm được tái tục nhiều lần.

Chi tiết về các quyền lợi bảo hiểm và điều kiện nhận quyền lợi được quy định cụ thể trong Quy tắc và Điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm

BẢNG LIỆT KÊ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VITA - SỨC KHỎE VÀNG 2025 / VITA - SỨC KHỎE KIM CƯƠNG 2025

QUYỀN LỢI NỘI TRÚ

Đơn vị: Nghìn đồng

CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM	Tiết Kiệm	Tiêu Chuẩn	Cao Cấp	V.I.P	Kim Cương
PHẠM VI ĐỊA LÝ ĐƯỢC BẢO HIỂM	**Việt Nam**	**Việt Nam**	**Toàn cầu (Ngoại trừ Hoa Kỳ)**	**Toàn cầu (Ngoại trừ Hoa Kỳ)**	**Toàn cầu**
HẠN MỨC HÀNG NĂM CỦA QUYỀN LỢI NỘI TRÚ	**120.000**	**350.000**	**750.000**	**1.400.000**	**5.000.000**
QUYỀN LỢI NHÂN ĐÔI HẠN MỨC (để điều trị nội trú các bệnh Ung thư, Đột quỵ, Nhồi máu cơ tim) (*)	**120.000**	**350.000**	**750.000**	**1.400.000**	**5.000.000**
Tỷ lệ đồng chi trả	0% hoặc 20%	0%	0%	0%	0%
PHẠM VI BẢO HIỂM	**GIỚI HẠN PHỤ**				
Viện phí và các chi phí y tế					
Giới hạn cho mỗi Đợt điều trị có Phẫu thuật	70.000	210.000	450.000	840.000	Theo Chi phí y tế thực tế
Giới hạn cho mỗi Đợt điều trị không có Phẫu thuật	35.000	105.000	225.000	420.000	
1. Tiền giường và phòng/Ngày nằm viện - Điều trị trong nước	500	1.500	3.000	6.000	12.000
Tiền giường và phòng/Ngày nằm viện - Điều trị tại nước ngoài	-		3.000	6.000	Theo Chi phí y tế thực tế (**)
2. Chi phí Phòng chăm sóc đặc biệt (tối đa 100 Ngày nằm viện/Năm hợp đồng)	Theo Chi phí y tế thực tế				
3. Chi phí Phẫu thuật					
4. Các chi phí điều trị nội trú khác					
5. Chi phí điều trị trước khi Nằm viện (trong vòng 30 ngày trước khi Nằm viện)					
6. Chi phí điều trị sau khi xuất viện (trong vòng 60 ngày sau khi xuất viện)					
7. Chi phí hỗ trợ người nuôi bệnh nhân/ngày (tối đa 30 ngày/Năm hợp đồng)	500	1.500	3.000	6.000	12.000
8. Chăm sóc y tế tại nhà/ngày (tối đa 30 ngày/Năm hợp đồng)	100	250	500	1.000	2.000
9. Trợ cấp nằm viện tại Bệnh viện công lập/Ngày nằm viện (tối đa 30 Ngày nằm viện/Năm hợp đồng)	-	150	500	1.000	2.000
10. Chi phí Vật lý trị liệu/Năm hợp đồng	1.000	3.000	5.000	10.000	20.000
11. Vận chuyển cấp cứu/Năm hợp đồng	1.000	2.500	5.000	Theo Chi phí y tế thực tế	

BẢNG LIỆT KÊ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VITA - SỨC KHỎE VÀNG 2025 / VITA - SỨC KHỎE KIM CƯƠNG 2025

QUYỀN LỢI NỘI TRÚ

Đơn vị: Nghìn đồng

CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM	Tiết Kiệm	Tiêu Chuẩn	Cao Cấp	V.I.P	Kim Cương
PHẠM VI ĐỊA LÝ ĐƯỢC BẢO HIỂM	**Việt Nam**	**Việt Nam**	**Toàn cầu (Ngoại trừ Hoa Kỳ)**	**Toàn cầu (Ngoại trừ Hoa Kỳ)**	**Toàn cầu**
HẠN MỨC HÀNG NĂM CỦA QUYỀN LỢI NỘI TRÚ	**120.000**	**350.000**	**750.000**	**1.400.000**	**5.000.000**
QUYỀN LỢI NHÂN ĐÔI HẠN MỨC (để điều trị nội trú các bệnh Ung thư, Đột quỵ, Nhồi máu cơ tim) (*)	**120.000**	**350.000**	**750.000**	**1.400.000**	**5.000.000**
Tỷ lệ đồng chi trả	0% hoặc 20%	0%	0%	0%	0%
PHẠM VI BẢO HIỂM	**GIỚI HẠN PHỤ**				
Cấy ghép nội tạng (thận, tim, gan, phổi, tụy, tủy xương)					
1. Chi phí cho Người được bảo hiểm (là người nhận tạng)	Theo Chi phí y tế thực tế				
2. Chi phí cho người hiến tạng/Năm hợp đồng	50.000	150.000	325.000	600.000	2.500.000
Điều trị Ung thư, Đột quỵ, Nhồi máu cơ tim	Theo Chi phí y tế thực tế				
Điều trị trong ngày					
1. Phẫu thuật trong ngày	Theo Chi phí y tế thực tế				
2. Điều trị thận nhân tạo/Năm hợp đồng	15.000	30.000	45.000	60.000	150.000
Điều trị cấp cứu do Tai nạn/Tai nạn	1.500	5.000	7.500	Theo Chi phí y tế thực tế	

Ghi chú:
(*) Quyền lợi được áp dụng khi đã sử dụng hết Hạn mức hàng năm của quyền lợi Nội trú
(**) Tối đa 100 Ngày nằm viện/Năm Hợp đồng

BẢNG LIỆT KÊ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VITA - SỨC KHỎE VÀNG 2025 / VITA - SỨC KHỎE KIM CƯƠNG 2025

Đơn vị: Nghìn đồng

	CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM	Tiết Kiệm	Tiêu Chuẩn	Cao Cấp	V.I.P	Kim Cương
	PHẠM VI ĐỊA LÝ ĐƯỢC BẢO HIỂM	-	**Việt Nam**	**Toàn cầu (Ngoại trừ Hoa Kỳ)**	**Toàn cầu (Ngoại trừ Hoa Kỳ)**	**Toàn cầu**
QL NGOẠI TRÚ	**HẠN MỨC HÀNG NĂM**		**20.000**	**30.000**	**60.000**	**120.000**
	Tỷ lệ đồng chi trả trong trường hợp khám, điều trị tại các Cơ sở y tế/Phòng khám tư nhân		**20%**	**20%**	**0%**	**0%**
	1. Chi phí điều trị ngoại trú theo Tây y/lần khám		1.500	3.000	6.000	12.000
	2. Chi phí điều trị ngoại trú theo Đông y/lần khám		750	1.500	3.000	6.000
	3. Chi phí tiêm chủng/Năm hợp đồng		-			2.000
QL NHA KHOA	**HẠN MỨC HÀNG NĂM**	-	**10.000**	**20.000**	**30.000**	**60.000**
	1. Chi phí kiểm tra, cạo vôi răng/lần (tối đa 02 lần/Năm hợp đồng)		500	1.000	2.000	4.000
	2. Các chi phí khám và điều trị răng khác		Theo Chi phí y tế thực tế			

	CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM	Tiết Kiệm	Tiêu Chuẩn	Cao Cấp	V.I.P	Kim Cương
QL THAI SẢN	**PHẠM VI ĐỊA LÝ ĐƯỢC BẢO HIỂM**	-	**Việt Nam**	**Việt Nam**	**Việt Nam**	**Toàn cầu**
	HẠN MỨC HÀNG NĂM CỦA QUYỀN LỢI THAI SẢN		**25.000**	**35.000**	**60.000**	**120.000**
	Tỷ lệ đồng chi trả		20%	20%	0%	0%
	Chi phí khám thai/Năm hợp đồng		1.500	1.500	2.500	5.000
	Viện phí sinh con hoặc điều trị biến chứng thai sản					
	1. Tiền giường và phòng/Ngày nằm viện - Điều trị trong nước		1.500	3.000	6.000	12.000
	-Tiền giường và phòng/Ngày nằm viện - Điều trị tại nước ngoài		-			Theo Chi phí y tế thực tế (*)
	2. Chi phí Phòng chăm sóc đặc biệt (*)		Theo Chi phí y tế thực tế			
	3. Các chi phí chăm sóc thai sản khác					

(*) Tối đa 100 Ngày nằm viện/Năm hợp đồng
Giới hạn phụ của từng quyền lợi Ngoại trú, Nha khoa, Thai sản quy định ở Quy tắc và Điều khoản

BẢNG LIỆT KÊ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TỬ VONG VÀ THƯƠNG TẬT DO TAI NẠN 2025

Quyền lợi bảo hiểm			Số tiền chi trả (% Số tiền bảo hiểm)		Nâng cao	Tiêu chuẩn
1. Tử vong do Tai nạn *(khấu trừ các quyền lợi đã được chấp thuận chi trả)*	Tử vong do Tai nạn của máy bay khi đang là hành khách trên chuyến bay dân dụng		300%		Áp dụng	Áp dụng
	Tử vong do Tai nạn của phương tiện giao thông công cộng (khi đang là hành khách trên đó), hoặc khi đang trong thang máy, hoặc do hỏa hoạn tại các tòa nhà công cộng		200%			
	Tử vong do Tai nạn thuộc trường hợp khác		100%			
	Vợ hoặc chồng của Người được bảo hiểm cũng tử vong do cùng Tai nạn với Người được bảo hiểm và quyền lợi Tử vong do Tai nạn của Người được bảo hiểm được Generali chấp thuận chi trả		Chi trả thêm 100%		Áp dụng	Không áp dụng
2. Thương tật vĩnh viễn do Tai nạn	Chấn thương sọ não nghiêm trọng/Mất vĩnh viễn thị lực hai mắt/ thính lực hai tai/ hai bàn tay/ hai bàn chân/ một tay và một chân/ một tay và mất vĩnh viễn thị lực một mắt/ một chân và mất vĩnh viễn thị lực một mắt hoặc Thương tật với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể từ 81% trở lên		100%		Áp dụng	Áp dụng
	Mất vĩnh viễn thị lực một mắt/ thính lực một tai/mất hoặc liệt vĩnh viễn một bàn tay hoặc một bàn chân		50%			
	Mất (cụt) đốt ở ngón tay cái		10% - 15%	tùy mức độ Thương tật		
	Mất (cụt) đốt ở ngón tay trỏ hoặc ngón tay giữa hoặc ngón tay áp út hoặc ngón tay út		4% - 8%			
	Mất (cụt) đốt ở ngón chân cái		2% - 5%			
	Mất (cụt) đốt ở ngón chân trỏ hoặc ngón chân giữa hoặc ngón chân áp út hoặc ngón chân út		2% - 3%			
3. Bỏng do Tai nạn	**Bộ phận**	**% diện tích da cơ thể bị Bỏng**			Áp dụng	Áp dụng
	Đầu	Từ 2% đến dưới 5%	50%			
		Từ 5% đến dưới 8%	75%			
		Từ 8% trở lên	100%			
	Thân, mình và tay chân	Từ 10% đến dưới 15%	50%			
		Từ 15% đến dưới 20%	75%			
		Từ 20% trở lên	100%			

BẢNG LIỆT KÊ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TỬ VONG VÀ THƯƠNG TẬT DO TAI NẠN 2025

Quyền lợi bảo hiểm			Số tiền chi trả (% Số tiền bảo hiểm)	Nâng cao	Tiêu chuẩn
4. Gãy xương do Tai nạn	Xương sọ	Vỡ 1 hoặc nhiều phần xương sọ trừ các xương mặt hay việc khuyết xương sọ do phẫu thuật mở hộp sọ trong chấn thương sọ não	30%	Áp dụng	Không áp dụng
	Xương mặt	Gãy xương hàm dưới hoặc xương hàm trên/ Gãy 1 trong các xương mặt khác	3% - 7% tùy Thương tật		
	Xương thân mình	Gãy 1 hoặc nhiều thân xương đốt sống, trừ xương cùng và xương cụt/ Gãy từ ba xương sườn trở lên	10% - 15% tùy Thương tật	Áp dụng	Không áp dụng
	Xương chi trên	Gãy 1 hoặc 2 xương đòn/ Gãy 1 hoặc 2 bên xương bả vai/ Gãy 1 hoặc nhiều xương cổ tay, xương bàn tay hoặc xương đốt ngón tay/Gãy 1 hoặc nhiều các xương dưới sau: Xương cánh tay/Xương trụ/Xương quay	1% - 5% tùy Thương tật	Áp dụng	Không áp dụng
	Xương chi dưới	Gãy xương chậu/Gãy xương đùi của 1 chân/Vỡ sụn chêm giữa 2 bên khớp gối cần phẫu thuật/Gãy 1 hoặc 2 xương bánh chè/Gãy 1 hoặc nhiều xương cổ chân, xương gót chân, xương bàn chân hoặc xương đốt ngón chân/Gãy xương mác hoặc/và xương chày của cùng 1 chân	1% - 15% tùy Thương tật		
5. Chấn thương cơ quan nội tạng do Tai nạn	Ngực	Tràn khí màng phổi/ Tràn máu màng phổi	5%	Áp dụng	Không áp dụng
	Bụng	Vỡ lá lách (vết thương lách hoặc vỡ lách)/Vỡ gan (vết thương gan hoặc vỡ gan) /Thủng dạ dày hoặc ruột non/ruột già/Vỡ tụy	7% - 15% tùy Chấn thương		
	Hệ tiết niệu	Chấn thương 1 hoặc 2 thận chỉ phải điều trị bảo tồn/Chấn thương 1 hoặc 2 thận phải phẫu thuật/Đứt niệu quản/Vỡ thành bàng quan/Đứt niệu đạo	7% - 15% tùy Chấn thương		
	Mô liên kết	Đứt hoàn toàn 1 hoặc nhiều các dây chằng đầu gối sau: - Dây chằng giữa hoặc bên - Dây chằng chéo trước hoặc sau	5%/Tai nạn		
6. Vận chuyển cấp cứu do Tai nạn: 2.500.000 đồng/Tai nạn. Tối đa 5.000.000 đồng/Năm hợp đồng				Áp dụng	Không áp dụng

Lưu ý: Tổng số tiền chi trả cho tất cả quyền lợi từ 2 tới 6 sẽ không vượt quá 100% Số tiền bảo hiểm.

III. THÔNG TIN CHI TIẾT (tiếp theo)

3. ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ BẢO HIỂM

STT	Sản phẩm bảo hiểm	Loại trừ
1	VITA - AN VUI NHƯ Ý 2.0	Generali Việt Nam sẽ không chi trả quyền lợi bảo hiểm nếu sự kiện bảo hiểm xảy ra đối với Người được bảo hiểm thuộc trường hợp và/hoặc do nguyên nhân sau: - Tự tử trong thời hạn 02 năm kể từ (i) ngày nộp khoản phí bảo hiểm đầu tiên hoặc (ii) Ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất, tùy vào ngày nào đến sau; - Tử vong do lỗi cố ý của Bên mua bảo hiểm hoặc Người thụ hưởng; - Bị thi hành án tử hình - TTTBVV do lỗi cố ý của chính bản thân Người được bảo hiểm hoặc Bên mua bảo hiểm hoặc Người thụ hưởng; - Tình trạng sức khỏe dưới chuẩn theo quyết định thẩm định và phải áp dụng các điều kiện loại trừ bổ sung; - Bệnh có sẵn; - Tham gia hoạt động thể thao mạo hiểm, thể thao chuyên nghiệp, hoạt động nguy hiểm; - Hành vi phạm tội của Người được bảo hiểm/ Người thụ hưởng/ bên mua bảo hiểm Chi tiết tham khảo Điều 4, Quy tắc và Điều khoản Bảo hiểm Liên kết chung - Phiên bản 2024 - Đóng phí định kỳ
2	VITA - Sức Khỏe Vàng 2025/VITA - Sức Khỏe Kim Cương 2025	Tham khảo Điều 6, Quy tắc và Điều khoản Bảo hiểm sức khỏe cá nhân 2025
3	BH tử vong và thương tật do Tai nạn 2025 - Nâng cao	Tham khảo Điều 3, Quy tắc và Điều khoản Bảo hiểm tử vong và Thương tật do Tai nạn 2025

III. THÔNG TIN CHI TIẾT (tiếp theo)

4. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ VÀ CÁC LOẠI PHÍ LIÊN QUAN

- Phí bảo hiểm cơ bản: xác định dựa trên Số tiền bảo hiểm, Tuổi và giới tính của Người được bảo hiểm vào ngày ký Giấy yêu cầu bảo hiểm. Phí bảo hiểm cơ bản được phân bổ vào Tài khoản cơ bản sau khi trừ đi Phí ban đầu.
- Phí bảo hiểm đóng thêm: là số tiền Bên mua bảo hiểm có thể đóng thêm ngoài phần Phí bảo hiểm cơ bản để đầu tư vào Quỹ Liên Kết Chung. Phí bảo hiểm đóng thêm được phân bổ vào Tài khoản đóng thêm sau khi trừ đi Phí ban đầu. Trong mỗi năm hợp đồng, tổng Phí bảo hiểm đóng thêm tối đa không được vượt quá 05 lần mức Phí bảo hiểm cơ bản quy năm của Năm hợp đồng hiện tại. Trong trường hợp tình hình đầu tư biến động quá bất lợi, Generali Việt Nam sẽ ngưng nhận phí bảo hiểm đóng thêm.
- Tài khoản cơ bản: Là tài khoản ghi nhận các giá trị từ nguồn Phí bảo hiểm cơ bản sau khi trừ đi Phí ban đầu, Khoản khấu trừ hàng tháng và các khoản rút tiền (nếu có), cộng với các khoản lãi đầu tư, cộng với quyền lợi thưởng sự kiện đặc biệt (nếu có).
- Tài khoản đóng thêm: là tài khoản ghi nhận các giá trị từ nguồn Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi trừ đi Phí ban đầu, Khoản khấu trừ hàng tháng (nếu có) và các khoản rút tiền (nếu có), cộng với các khoản lãi đầu tư, thưởng định kỳ, thưởng đặc biệt được cộng vào Giá trị Tài khoản đóng thêm theo quy định tại Quy tắc và Điều khoản.
- Khoản khấu trừ hàng tháng: bao gồm Phí rủi ro và Phí quản lý hợp đồng.
- Tài khoản hợp đồng: là tài khoản ghi nhận tổng giá trị của của Tài khoản cơ bản và Tài khoản đóng thêm (nếu có).
- Phí ban đầu: Là khoản phí được khấu trừ từ Phí bảo hiểm cơ bản, Phí bảo hiểm đóng thêm trước khi các khoản phí bảo hiểm này được phân bổ vào giá trị Tài khoản hợp đồng. Phí ban đầu được quy định như sau:

Năm đóng phí	**1**	**2**	**3-5**	**6-10**	**11+**
% Phí bảo hiểm cơ bản	50%	30%	20%	2%	0%
% Phí bảo hiểm đóng thêm	1,5%				0%

- Phí rủi ro: là khoản phí để đảm bảo quyền lợi bảo hiểm rủi ro theo cam kết tại Hợp đồng bảo hiểm, được khấu trừ hàng tháng từ Giá trị Tài khoản hợp đồng vào Ngày kỷ niệm tháng hợp đồng. Tỷ lệ Phí rủi ro dùng để tính Phí rủi ro thay đổi theo Tuổi, giới tính, tình trạng sức khỏe và nghề nghiệp của Người được bảo hiểm.
- Phí quản lý hợp đồng: là khoản phí dùng để bù đắp chi phí liên quan đến việc duy trì Hợp đồng bảo hiểm và cung cấp các thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm cho Bên mua bảo hiểm, được khấu trừ hàng tháng từ Giá trị Tài khoản hợp đồng vào Ngày kỷ niệm tháng hợp đồng. Trong năm 2025, Phí quản lý hợp đồng là 45.000 đồng mỗi tháng và tự động tăng 2.000 đồng mỗi năm dương lịch sau đó. Trong mọi trường hợp, Phí quản lý hợp đồng không vượt quá 60.000 đồng mỗi tháng.
- Phí quản lý quỹ: là chi phí dùng để chi trả cho các hoạt động đầu tư, hoạt động định giá tài sản, hoạt động giám sát và quản lý Quỹ liên kết chung. Phí quản lý quỹ được khấu trừ trước khi Công ty công bố lãi suất đầu tư của Quỹ liên kết chung. Phí quản lý quỹ tối đa là 2% mỗi năm tính trên Giá trị tài khoản hợp đồng. Trong mọi trường hợp, Phí quản lý quỹ không vượt quá lãi suất công bố.

III. THÔNG TIN CHI TIẾT (tiếp theo)

4. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ VÀ CÁC LOẠI PHÍ LIÊN QUAN (tiếp theo)

- Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn: Là khoản phí tính cho Bên mua bảo hiểm khi yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trước thời hạn. Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn được quy định như sau:

Đối với Tài khoản cơ bản

Năm hợp đồng	1-2	3	4	5	6+
% Phí bảo hiểm cơ bản của Năm hợp đồng đầu tiên tại Ngày hiệu lực hợp đồng	100%	30%	20%	10%	0%

Nếu Giá trị Tài khoản cơ bản nhỏ hơn Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn, Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn bằng giá trị Tài khoản cơ bản tại thời điểm chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.

Đối với Tài khoản đóng thêm: Không áp dụng

5. MÔ TẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT CHUNG

Là quỹ được thành lập cho tất cả các Hợp đồng bảo hiểm liên kết chung theo quy định của pháp luật.

Generali Việt Nam quản lý và đầu tư Quỹ liên kết chung theo chiến lược và hạn mức đầu tư cụ thể trong từng giai đoạn nhằm mục đích đạt được lợi suất ổn định trong khoảng thời gian dài, đồng thời đảm bảo khả năng thanh toán cho khách hàng. Việc quản lý và đầu tư Quỹ liên kết chung cũng có thể được ủy thác cho một bên thứ ba (tuỳ tình hình thị trường và cân nhắc tại từng thời điểm), tuy nhiên mọi hoạt động của Quỹ liên kết chung luôn đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật hiện hành.

Generali Việt Nam thực hiện chính sách đầu tư thận trọng. Danh mục quỹ chủ yếu là công cụ thu nhập cố định như Trái phiếu Chính phủ, Tiền gửi hoặc Chứng chỉ tiền gửi, Trái phiếu hoặc Cổ phiếu phát hành bởi các Công ty có hoạt động ổn định và sức khoẻ tài chính lành mạnh. Tuỳ vào tình hình thị trường tài chính và khẩu vị rủi ro ở mỗi thời điểm xem xét, Quỹ cũng có thể xem xét đầu tư Chứng chỉ quỹ của các quỹ đầu tư có hoạt động bền vững và khẩu vị rủi ro tương đồng với Generali Việt Nam.

Lãi suất đầu tư công bố của Quỹ liên kết chung trong giai đoạn 2020 - 2024 như sau:

Năm hợp đồng	2020	2021	2022	2023	2024
Lãi suất đầu tư công bố (%/năm)	5,20 - 5,60%	4,60 - 5,00%	4,40 - 5,60%	5,60 - 6,50%	5,10 - 5,50%

III. THÔNG TIN CHI TIẾT (tiếp theo)

6. TÓM TẮT QUYỀN LỢI SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG VITA - AN VUI NHƯ Ý 2.0

6.1. Minh họa quyền lợi tại mức lãi suất đầu tư (LSĐT) dự kiến 5,16%/năm

Đơn vị: Nghìn đồng

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ	
Phí bảo hiểm cơ bản hàng năm (a)	6.067
Thời hạn đóng Phí bảo hiểm cơ bản dự kiến (b)	20 năm
Tổng Phí bảo hiểm đóng thêm dự kiến trong suốt thời hạn bảo hiểm (c)	-
Tổng phí đóng [(a)*(b)+(c)]	121.340
Khoản tiền dự kiến rút trong suốt thời hạn bảo hiểm	-

KẾ HOẠCH BẢO HIỂM RỦI RO	
Số tiền bảo hiểm (STBH)	273.015
Lựa chọn bảo vệ	Cơ Bản

Lưu ý:

1. Đối với quyền lợi tử vong/TTTBVV: Khi Sự kiện bảo hiểm xảy ra đối với Người được bảo hiểm dưới 04 Tuổi, Số tiền bảo hiểm dùng để chi trả quyền lợi sẽ được điều chỉnh theo quy định tại Quy tắc và Điều khoản sản phẩm.

QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ VÀ GIA TĂNG GIÁ TRỊ TÀI KHOẢN
(Tham khảo chi tiết tại trang MINH HỌA QUYỀN LỢI SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG VITA - AN VUI NHƯ Ý 2.0 tại mức LSĐT dự kiến 5,16%/năm)

Cuối Năm hợp đồng	**10**	**15**	**20**
Giá trị Tài khoản hợp đồng	60.941	120.809	204.719
Quyền lợi thưởng định kỳ	5.731	11.450	18.762
Quyền lợi thưởng đặc biệt	-	3.034	3.034
Quyền lợi thưởng sự kiện đặc biệt	Chi trả 1.213.000 đồng khi Người được bảo hiểm trải qua một trong các Sự kiện áp dụng.		

Giá trị Tài khoản hợp đồng (GTTKHĐ) đã bao gồm quyền lợi thưởng định kỳ, thưởng đặc biệt tương ứng nêu trên.
Hợp đồng bảo hiểm sẽ mất hiệu lực tại Năm hợp đồng thứ 53 do Giá trị Tài khoản hợp đồng không đủ để thanh toán Khoản khấu trừ hàng tháng.

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM RỦI RO
(Tham khảo chi tiết tại trang MINH HỌA QUYỀN LỢI SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG VITA - AN VUI NHƯ Ý 2.0 tại mức LSĐT dự kiến 5,16%/năm)

Sản phẩm VITA - AN VUI NHƯ Ý 2.0

Năm hợp đồng	**10**	**15**	**20**
Quyền lợi tử vong/TTTBVV	280.789	297.496	326.294

Bảo hiểm bán kèm: Xem chi tiết ở trang "TÓM TẮT QUYỀN LỢI CỦA BẢO HIỂM BÁN KÈM"

2. Lãi suất minh họa 5,16%/năm chỉ mang tính tham khảo, có thể tăng hoặc giảm phụ thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của quỹ liên kết chung và không có ý nghĩa là mức lãi suất này được đảm bảo cho khách hàng trong tương lai, nhưng đảm bảo không thấp hơn mức lãi suất cam kết tối thiểu.
3. Thông tin được thể hiện trên đây đang minh họa tóm tắt quyền lợi bảo hiểm tại các mốc Năm hợp đồng thứ 10, 15, 20. Thông tin về quyền lợi bảo hiểm trong suốt thời hạn Hợp đồng và điều kiện nhận quyền lợi vui lòng tham khảo chi tiết tại các trang còn lại trong Tài liệu minh họa này.

6. TÓM TẮT QUYỀN LỢI SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG VITA - AN VUI NHƯ Ý 2.0

6.2. Minh họa quyền lợi tại mức lãi suất (LS) cam kết

Đơn vị: Nghìn đồng

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ	
Phí bảo hiểm cơ bản hàng năm (a)	6.067
Thời hạn đóng Phí bảo hiểm cơ bản dự kiến (b)	20 năm
Tổng Phí bảo hiểm đóng thêm dự kiến trong suốt thời hạn bảo hiểm (c)	-
Tổng phí đóng [(a)*(b)+(c)]	121.340
Khoản tiền dự kiến rút trong suốt thời hạn bảo hiểm	-

KẾ HOẠCH BẢO HIỂM RỦI RO	
Số tiền bảo hiểm (STBH)	273.015
Lựa chọn bảo vệ	Cơ Bản

Lưu ý:

1. Đối với quyền lợi tử vong/TTTBVV: Khi Sự kiện bảo hiểm xảy ra đối với Người được bảo hiểm dưới 04 Tuổi, Số tiền bảo hiểm dùng để chi trả quyền lợi sẽ được điều chỉnh theo quy định tại Quy tắc và Điều khoản sản phẩm.

QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ VÀ GIA TĂNG GIÁ TRỊ TÀI KHOẢN
(Tham khảo chi tiết tại trang MINH HỌA QUYỀN LỢI SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG VITA - AN VUI NHƯ Ý 2.0 tại mức LS cam kết)

Cuối Năm hợp đồng	**10**	**15**	**20**
Giá trị Tài khoản hợp đồng	52.537	92.902	135.091
Quyền lợi thưởng định kỳ	5.161	9.320	13.295
Quyền lợi thưởng đặc biệt	-	3.034	3.034
Quyền lợi thưởng sự kiện đặc biệt	Chi trả 1.213.000 đồng khi Người được bảo hiểm trải qua một trong các Sự kiện áp dụng.		

Giá trị Tài khoản hợp đồng (GTTKHĐ) đã bao gồm quyền lợi thưởng định kỳ, thưởng đặc biệt tương ứng nêu trên.
Hợp đồng bảo hiểm sẽ mất hiệu lực tại Năm hợp đồng thứ 46 do Giá trị Tài khoản hợp đồng không đủ để thanh toán Khoản khấu trừ hàng tháng.

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM RỦI RO
(Tham khảo chi tiết tại trang MINH HỌA QUYỀN LỢI SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG VITA - AN VUI NHƯ Ý 2.0 tại mức LS cam kết)

Sản phẩm VITA - AN VUI NHƯ Ý 2.0

Năm hợp đồng	**10**	**15**	**20**
Quyền lợi tử vong/TTTBVV	279.867	292.677	309.602

Bảo hiểm bán kèm: Xem chi tiết ở trang "TÓM TẮT QUYỀN LỢI CỦA BẢO HIỂM BÁN KÈM"

2. Thông tin được thể hiện trên đây đang minh họa tóm tắt quyền lợi bảo hiểm tại các mốc Năm hợp đồng thứ 10, 15, 20. Thông tin về quyền lợi bảo hiểm trong suốt thời hạn Hợp đồng và điều kiện nhận quyền lợi vui lòng tham khảo chi tiết tại các trang còn lại trong Tài liệu minh họa này.

IV. MINH HỌA THỰC TẾ VỀ PHÂN BỔ PHÍ BẢO HIỂM VÀ CÁC QUYỀN LỢI SẢN PHẨM BẢO HIỂM VITA - AN VUI NHƯ Ý 2.0

1. Trường hợp Bên mua bảo hiểm đóng đủ Phí bảo hiểm cơ bản theo thời hạn đóng phí dự kiến

1.1. MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: Nghìn đồng

Cuối năm HĐ /Tuổi	Tổng Phí bảo hiểm ("Phí BH")	Phí BH phân bổ (Phí đem đi đầu tư)	1.1.1. Minh họa tại mức LSĐT dự kiến 5,16%/năm từ năm 1-20 và LS cam kết từ năm 21+ ("LS minh họa")						
			Quyền lợi đảm bảo		Quyền lợi không đảm bảo				
			Quyền lợi tử vong/ TTTBVV (theo % STBH)	Thưởng đặc biệt	Thưởng định kỳ	GTTKHĐ	Tổng quyền lợi tử vong/TTTBVV	Giá trị hoàn lại	Khoản rút tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1/31	6.067	3.034	273.015	-	-	2.236	273.015	-	-
2/32	6.067	4.247	273.015	-	-	5.832	273.015	-	-
3/33	6.067	4.854	273.015	-	-	10.219	273.015	8.398	-
4/34	6.067	4.854	273.015	-	-	14.797	273.015	13.583	-
5/35	6.067	4.854	273.015	-	1.589	21.162	274.604	20.555	-
6/36	6.067	5.946	273.015	-	-	27.376	274.686	27.376	-
7/37	6.067	5.946	273.015	-	-	33.867	274.772	33.867	-
8/38	6.067	5.946	273.015	-	-	40.653	274.863	40.653	-
9/39	6.067	5.946	273.015	-	-	47.760	274.958	47.760	-
10/40	6.067	5.946	273.015	-	5.731	60.941	280.789	60.941	-
11/41	6.067	6.067	273.015	-	-	69.173	281.190	69.173	-
12/42	6.067	6.067	273.015	-	-	77.804	281.612	77.804	-
13/43	6.067	6.067	273.015	-	-	86.858	282.056	86.858	-
14/44	6.067	6.067	273.015	-	-	96.356	282.522	96.356	-
15/45	6.067	6.067	273.015	3.034	11.450	120.809	297.496	120.809	-
16/46	6.067	6.067	273.015	-	-	132.024	298.760	132.024	-
17/47	6.067	6.067	273.015	-	-	143.806	300.088	143.806	-
18/48	6.067	6.067	273.015	-	-	156.192	301.485	156.192	-
19/49	6.067	6.067	273.015	-	-	169.218	302.954	169.218	-
20/50	6.067	6.067	273.015	3.034	18.762	204.719	326.294	204.719	-

1.1. MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM (tiếp theo)

Đơn vị: Nghìn đồng

Cuối năm HĐ /Tuổi	Tổng Phí bảo hiểm ("Phí BH")	Phí BH phân bổ (Phí đem đi đầu tư)	1.1.1. Minh họa tại mức LSĐT dự kiến 5,16%/năm từ năm 1-20 và LS cam kết từ năm 21+ ("LS minh họa")						
			Quyền lợi đảm bảo		Quyền lợi không đảm bảo				
			Quyền lợi tử vong/ TTTBVV (theo % STBH)	Thưởng đặc biệt	Thưởng định kỳ	GTTKHĐ	Tổng quyền lợi tử vong/TTTBVV	Giá trị hoàn lại	Khoản rút tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
21/51	-	-	273.015	-	-	204.336	326.560	204.336	-
22/52	-	-	273.015	-	-	203.886	326.828	203.886	-
23/53	-	-	273.015	-	-	203.360	327.097	203.360	-
24/54	-	-	273.015	-	-	202.746	327.368	202.746	-
25/55	-	-	273.015	-	-	202.034	327.639	202.034	-
30/60	-	-	273.015	-	-	196.652	329.019	196.652	-
35/65	-	-	273.015	-	-	186.633	330.433	186.633	-
40/70	-	-	273.015	-	-	167.828	331.883	167.828	-
45/75	-	-	273.015	-	-	131.098	333.369	131.098	-
46/76	-	-	273.015	-	-	119.842	333.671	119.842	-
50/80	-	-	273.015	-	-	52.801	325.816	52.801	-
52/82	-	-	273.015	-	-	4.696	277.711	4.696	-
53/83	-	-	-	-	-	(*)	(*)	(*)	-

(*) Hợp đồng mất hiệu lực do Giá trị Tài khoản hợp đồng không đủ để thanh toán Khoản khấu trừ hàng tháng.

1.1. MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM (tiếp theo)

Đơn vị: Nghìn đồng

Cuối năm HĐ /Tuổi	Tổng Phí bảo hiểm ("Phí BH")	Phí BH phân bổ (Phí đem đi đầu tư)	1.1.2. Minh họa tại mức LS đầu tư cam kết						
			Quyền lợi đảm bảo		Quyền lợi không đảm bảo				
			Quyền lợi tử vong/ TTTBVV (theo % STBH)	Thưởng đặc biệt	Thưởng định kỳ	GTTKHĐ	Tổng quyền lợi tử vong/TTTBVV	Giá trị hoàn lại	Khoản rút tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1/31	6.067	3.034	273.015	-	-	2.194	273.015	-	-
2/32	6.067	4.247	273.015	-	-	5.660	273.015	-	-
3/33	6.067	4.854	273.015	-	-	9.821	273.015	8.001	-
4/34	6.067	4.854	273.015	-	-	14.072	273.015	12.859	-
5/35	6.067	4.854	273.015	-	1.532	19.945	274.547	19.338	-
6/36	6.067	5.946	273.015	-	-	25.294	274.578	25.294	-
7/37	6.067	5.946	273.015	-	-	30.705	274.609	30.705	-
8/38	6.067	5.946	273.015	-	-	36.183	274.641	36.183	-
9/39	6.067	5.946	273.015	-	-	41.738	274.673	41.738	-
10/40	6.067	5.946	273.015	-	5.161	52.537	279.867	52.537	-
11/41	6.067	6.067	273.015	-	-	58.193	279.970	58.193	-
12/42	6.067	6.067	273.015	-	-	63.902	280.074	63.902	-
13/43	6.067	6.067	273.015	-	-	69.662	280.180	69.662	-
14/44	6.067	6.067	273.015	-	-	75.097	280.252	75.097	-
15/45	6.067	6.067	273.015	3.034	9.320	92.902	292.677	92.902	-
16/46	6.067	6.067	273.015	-	-	98.495	292.874	98.495	-
17/47	6.067	6.067	273.015	-	-	103.586	292.973	103.586	-
18/48	6.067	6.067	273.015	-	-	108.662	293.073	108.662	-
19/49	6.067	6.067	273.015	-	-	113.722	293.173	113.722	-
20/50	6.067	6.067	273.015	3.034	13.295	135.091	309.602	135.091	-

1.1. MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM (tiếp theo)

Đơn vị: Nghìn đồng

Cuối năm HĐ /Tuổi	Tổng Phí bảo hiểm ("Phí BH")	Phí BH phân bổ (Phí đem đi đầu tư)	1.1.2. Minh họa tại mức LS đầu tư cam kết						
			Quyền lợi đảm bảo		Quyền lợi không đảm bảo				
			Quyền lợi tử vong/ TTTBVV (theo % STBH)	Thưởng đặc biệt	Thưởng định kỳ	GTTKHĐ	Tổng quyền lợi tử vong/TTTBVV	Giá trị hoàn lại	Khoản rút tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
21/51	-	-	273.015	-	-	134.062	309.785	134.062	-
22/52	-	-	273.015	-	-	132.931	309.969	132.931	-
23/53	-	-	273.015	-	-	131.687	310.154	131.687	-
24/54	-	-	273.015	-	-	130.312	310.340	130.312	-
25/55	-	-	273.015	-	-	128.790	310.526	128.790	-
30/60	-	-	273.015	-	-	118.462	311.473	118.462	-
35/65	-	-	273.015	-	-	101.207	312.445	101.207	-
40/70	-	-	273.015	-	-	70.819	313.440	70.819	-
45/75	-	-	273.015	-	-	14.797	287.812	14.797	-
46/76	-	-	-	-	-	(*)	(*)	(*)	-

(*) Hợp đồng mất hiệu lực do Giá trị Tài khoản hợp đồng không đủ để thanh toán Khoản khấu trừ hàng tháng.

Ghi chú Mục IV.1.1. MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

(8) Tổng quyền lợi tử vong/TTTBVV bao gồm: Số tiền lớn hơn giữa (100% Số tiền bảo hiểm; Giá trị Tài khoản cơ bản) cộng với Giá trị Tài khoản đóng thêm (nếu có).

(11) Quyền lợi thưởng sự kiện đặc biệt: Sau khi kết thúc Thời gian cân nhắc và Hợp đồng có hiệu lực, chi trả 1.213.000 đồng khi Người được bảo hiểm phát sinh một trong các Sự kiện áp dụng. Quyền lợi này là quyền lợi đảm bảo.

Số năm minh họa tại Mục IV.1.1. "MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM" có thể ngắn hơn thời hạn đóng phí dự kiến tại Mục II. "THÔNG TIN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM", tùy thuộc vào thời gian hiệu lực của Hợp đồng tại từng mức lãi suất minh họa.

1.2. MINH HỌA VỀ CÁC KHOẢN PHÍ TÍNH CHO KHÁCH HÀNG

Đơn vị: Nghìn đồng

Cuối năm HĐ/ Tuổi	Phí bảo hiểm ("Phí BH")			Phí ban đầu			Phí bảo hiểm phân bổ (Phí đem đi đầu tư)			Phí quản lý hợp đồng (**)	Phí rủi ro	
											Minh họa tại mức lãi suất đầu tư	
	Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Tổng Phí BH	Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Tổng Phí ban đầu	Vào TK cơ bản	Vào TK đóng thêm	Tổng Phí BH phân bổ		Lãi suất minh họa	Lãi suất cam kết
(1)	(2)	(3)	(4)=(2)+(3)	(5)	(6)	(7)=(5)+(6)	(8)	(9)	(10)=(8)+(9)	(11)	(12)	(13)
1/31	6.067	-	6.067	3.034	-	3.034	3.034	-	3.034	550	379	379
2/32	6.067	-	6.067	1.820	-	1.820	4.247	-	4.247	574	385	385
3/33	6.067	-	6.067	1.213	-	1.213	4.854	-	4.854	598	393	394
4/34	6.067	-	6.067	1.213	-	1.213	4.854	-	4.854	622	403	404
5/35	6.067	-	6.067	1.213	-	1.213	4.854	-	4.854	646	416	418
6/36	6.067	-	6.067	121	-	121	5.946	-	5.946	670	430	433
7/37	6.067	-	6.067	121	-	121	5.946	-	5.946	694	448	453
8/38	6.067	-	6.067	121	-	121	5.946	-	5.946	713	468	475
9/39	6.067	-	6.067	121	-	121	5.946	-	5.946	720	489	500
10/40	6.067	-	6.067	121	-	121	5.946	-	5.946	720	513	528
11/41	6.067	-	6.067	-	-	-	6.067	-	6.067	720	538	559
12/42	6.067	-	6.067	-	-	-	6.067	-	6.067	720	562	592
13/43	6.067	-	6.067	-	-	-	6.067	-	6.067	720	585	625
14/44	6.067	-	6.067	-	-	-	6.067	-	6.067	720	607	662
15/45	6.067	-	6.067	-	-	-	6.067	-	6.067	720	626	699
16/46	6.067	-	6.067	-	-	-	6.067	-	6.067	720	641	736
17/47	6.067	-	6.067	-	-	-	6.067	-	6.067	720	652	775
18/48	6.067	-	6.067	-	-	-	6.067	-	6.067	720	657	815
19/49	6.067	-	6.067	-	-	-	6.067	-	6.067	720	655	856
20/50	6.067	-	6.067	-	-	-	6.067	-	6.067	720	648	901

Phí quản lý quỹ, Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn: Tham khảo tại Mục III.4. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ VÀ CÁC LOẠI PHÍ LIÊN QUAN
(**) Phí quản lý hợp đồng được khấu trừ tương ứng với thời gian hiệu lực của Hợp đồng minh hoa theo mức Lãi suất minh họa.

1.2. MINH HỌA VỀ CÁC KHOẢN PHÍ TÍNH CHO KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

Đơn vị: Nghìn đồng

Cuối năm HĐ/ Tuổi	Phí bảo hiểm ("Phí BH")			Phí ban đầu			Phí bảo hiểm phân bổ (Phí đem đi đầu tư)			Phí quản lý hợp đồng (**)	Phí rủi ro	
											Minh họa tại mức lãi suất đầu tư	
	Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Tổng Phí BH	Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Tổng Phí ban đầu	Vào TK cơ bản	Vào TK đóng thêm	Tổng Phí BH phân bổ		Lãi suất minh họa	Lãi suất cam kết
(1)	(2)	(3)	(4)=(2)+(3)	(5)	(6)	(7)=(5)+(6)	(8)	(9)	(10)=(8)+(9)	(11)	(12)	(13)
21/51	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	682	980
22/52	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	748	1.076
23/53	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	821	1.184
24/54	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	906	1.308
25/55	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	1.001	1.447
30/60	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	1.621	2.362
35/65	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	2.761	4.053
40/70	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	4.877	7.208
45/75	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	9.617	13.340
46/76	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	11.160	13.459
50/80	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	20.385	-
52/82	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	24.472	-
53/83	-	-	-	-	-	-	-	-	-	120	4.454	-

Phí quản lý quỹ, Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn: Tham khảo tại Mục III.4. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ VÀ CÁC LOẠI PHÍ LIÊN QUAN
(**) Phí quản lý hợp đồng được khấu trừ tương ứng với thời gian hiệu lực của Hợp đồng minh họa theo mức Lãi suất minh họa.

IV. MINH HỌA THỰC TẾ VỀ PHÂN BỔ PHÍ BẢO HIỂM VÀ CÁC QUYỀN LỢI SẢN PHẨM BẢO HIỂM VITA - AN VUI NHƯ Ý 2.0 (tiếp theo)

2. Trường hợp Bên mua bảo hiểm đóng đủ phí bảo hiểm theo thời hạn đóng phí tối thiểu

2.1. MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: Nghìn đồng

Cuối năm HĐ /Tuổi	Tổng Phí bảo hiểm ("Phí BH")	Phí BH phân bổ (Phí đem đi đầu tư)	2.1.1. Minh họa tại mức LSĐT 5,16%/năm từ năm 1-20 và LS cam kết từ năm 21+ ("LS minh họa")						
			Quyền lợi đảm bảo		Quyền lợi không đảm bảo				
			Quyền lợi tử vong/ TTTBVV (theo % STBH)	Thưởng đặc biệt	Thưởng định kỳ	GTTKHĐ	Tổng quyền lợi tử vong/TTTBVV	Giá trị hoàn lại	Khoản rút tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1/31	6.067	3.034	273.015	-	-	2.236	273.015	-	-
2/32	6.067	4.247	273.015	-	-	5.832	273.015	-	-
3/33	6.067	4.854	273.015	-	-	10.219	273.015	8.398	-
4/34	6.067	4.854	273.015	-	-	14.797	273.015	13.583	-
5/35	-	-	273.015	-	-	14.461	273.015	13.854	-
6/36	-	-	273.015	-	-	14.057	273.015	14.057	-
7/37	-	-	273.015	-	-	13.575	273.015	13.575	-
8/38	-	-	273.015	-	-	13.012	273.015	13.012	-
9/39	-	-	273.015	-	-	12.370	273.015	12.370	-
10/40	-	-	273.015	-	-	11.646	273.015	11.646	-
11/41	-	-	273.015	-	-	10.830	273.015	10.830	-
12/42	-	-	273.015	-	-	9.910	273.015	9.910	-
13/43	-	-	273.015	-	-	8.878	273.015	8.878	-
14/44	-	-	273.015	-	-	7.720	273.015	7.720	-
15/45	-	-	273.015	-	-	6.423	273.015	6.423	-
16/46	-	-	273.015	-	-	4.976	273.015	4.976	-
17/47	-	-	273.015	-	-	3.361	273.015	3.361	-
18/48	-	-	273.015	-	-	1.566	273.015	1.566	-
19/49	-	-	-	-	-	(*)	(*)	(*)	-

(*) Hợp đồng mất hiệu lực do Giá trị Tài khoản hợp đồng không đủ để thanh toán Khoản khấu trừ hàng tháng.

2.1. MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM (tiếp theo)

Đơn vị: Nghìn đồng

Cuối năm HĐ /Tuổi	Tổng Phí bảo hiểm ("Phí BH")	Phí BH phân bổ (Phí đem đi đầu tư)	2.1.2. Minh họa tại mức LS đầu tư cam kết						
			Quyền lợi đảm bảo		Quyền lợi không đảm bảo				
			Quyền lợi tử vong/ TTTBVV (theo % STBH)	Thưởng đặc biệt	Thưởng định kỳ	GTTKHĐ	Tổng quyền lợi tử vong/TTTBVV	Giá trị hoàn lại	Khoản rút tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1/31	6.067	3.034	273.015	-	-	2.194	273.015	-	-
2/32	6.067	4.247	273.015	-	-	5.660	273.015	-	-
3/33	6.067	4.854	273.015	-	-	9.821	273.015	8.001	-
4/34	6.067	4.854	273.015	-	-	14.072	273.015	12.859	-
5/35	-	-	273.015	-	-	13.406	273.015	12.800	-
6/36	-	-	273.015	-	-	12.541	273.015	12.541	-
7/37	-	-	273.015	-	-	11.601	273.015	11.601	-
8/38	-	-	273.015	-	-	10.586	273.015	10.586	-
9/39	-	-	273.015	-	-	9.500	273.015	9.500	-
10/40	-	-	273.015	-	-	8.343	273.015	8.343	-
11/41	-	-	273.015	-	-	7.069	273.015	7.069	-
12/42	-	-	273.015	-	-	5.714	273.015	5.714	-
13/43	-	-	273.015	-	-	4.273	273.015	4.273	-
14/44	-	-	273.015	-	-	2.718	273.015	2.718	-
15/45	-	-	273.015	-	-	1.069	273.015	1.069	-
16/46	-	-	-	-	-	(*)	(*)	(*)	-

(*) Hợp đồng mất hiệu lực do Giá trị Tài khoản hợp đồng không đủ để thanh toán Khoản khấu trừ hàng tháng.

Ghi chú Mục IV.2.1. MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

(8) Tổng quyền lợi tử vong/TTTBVV bao gồm: Số tiền lớn hơn giữa (100% Số tiền bảo hiểm; Giá trị Tài khoản cơ bản) cộng với Giá trị Tài khoản đóng thêm (nếu có).

(11) Quyền lợi thưởng sự kiện đặc biệt: Sau khi kết thúc Thời gian cân nhắc và Hợp đồng có hiệu lực, chi trả 1.213.000 đồng khi Người được bảo hiểm phát sinh một trong các Sự kiện áp dụng. Quyền lợi này là quyền lợi đảm bảo.

Số năm minh họa tại Mục IV.2.1. "MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM" có thể ngắn hơn thời hạn đóng phí dự kiến tại Mục II. "THÔNG TIN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM", tùy thuộc vào thời gian hiệu lực của Hợp đồng tại từng mức lãi suất minh họa.

2.2. MINH HỌA VỀ CÁC KHOẢN PHÍ TÍNH CHO KHÁCH HÀNG

Đơn vị: Nghìn đồng

Cuối năm HĐ/ Tuổi	Phí bảo hiểm ("Phí BH")			Phí ban đầu			Phí bảo hiểm phân bổ (Phí đem đi đầu tư)			Phí quản lý hợp đồng (**)	Phí rủi ro	
											Minh họa tại mức lãi suất đầu tư	
	Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Tổng Phí BH	Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Tổng Phí ban đầu	Vào TK cơ bản	Vào TK đóng thêm	Tổng Phí BH phân bổ		Lãi suất minh họa	Lãi suất cam kết
(1)	(2)	(3)	(4)=(2)+(3)	(5)	(6)	(7)=(5)+(6)	(8)	(9)	(10)=(8)+(9)	(11)	(12)	(13)
1/31	6.067	-	6.067	3.034	-	3.034	3.034	-	3.034	550	379	379
2/32	6.067	-	6.067	1.820	-	1.820	4.247	-	4.247	574	385	385
3/33	6.067	-	6.067	1.213	-	1.213	4.854	-	4.854	598	393	394
4/34	6.067	-	6.067	1.213	-	1.213	4.854	-	4.854	622	403	404
5/35	-	-	-	-	-	-	-	-	-	646	424	425
6/36	-	-	-	-	-	-	-	-	-	670	449	451
7/37	-	-	-	-	-	-	-	-	-	694	481	484
8/38	-	-	-	-	-	-	-	-	-	713	517	521
9/39	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	558	563
10/40	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	605	612
11/41	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	659	668
12/42	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	718	729
13/43	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	782	795
14/44	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	853	868
15/45	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	929	947
16/46	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	1.011	601
17/47	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	1.100	-
18/48	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	1.196	-
19/49	-	-	-	-	-	-	-	-	-	540	974	-

Phí quản lý quỹ, Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn: Tham khảo tại Mục III.4. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ VÀ CÁC LOẠI PHÍ LIÊN QUAN
(**) Phí quản lý hợp đồng được khấu trừ tương ứng với thời gian hiệu lực của Hợp đồng minh họa theo mức Lãi suất minh họa.

Ghi chú mục IV. MINH HỌA THỰC TẾ VỀ PHÂN BỔ PHÍ BẢO HIỂM VÀ CÁC QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

1. Quyền lợi bảo hiểm được minh họa trong 2 trường hợp: Bên mua bảo hiểm đóng đủ phí bảo hiểm trong thời hạn đóng phí dự kiến và trong thời hạn đóng phí bảo hiểm tối thiểu. Chi tiết về phí bảo hiểm được phân bổ vào tài khoản được thể hiện tại trang "MINH HỌA VỀ CÁC KHOẢN PHÍ TÍNH CHO KHÁCH HÀNG"
2. Việc rút tiền sẽ được thực hiện từ Tài khoản đóng thêm (nếu có) trước; sau đó đến Tài khoản cơ bản.
3. Mục IV.1.1 và mục IV.2.1. "MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM" (trường hợp Bên mua bảo hiểm đóng đủ phí bảo hiểm theo thời hạn đóng phí dự kiến và thời hạn đóng phí tối thiểu) thể hiện các minh họa về phí bảo hiểm và các quyền lợi của sản phẩm.
4. Lãi suất minh họa 5,16% chỉ mang tính tham khảo, có thể tăng hoặc giảm phụ thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của Quỹ liên kết chung và không có ý nghĩa là mức lãi suất này được đảm bảo cho khách hàng trong tương lai, nhưng đảm bảo không thấp hơn mức lãi suất cam kết tối thiểu.
5. Số tiền chi trả của quyền lợi tử vong/TTTBVV sẽ bị ảnh hưởng bởi Giá trị Tài khoản hợp đồng. Giá trị Tài khoản hợp đồng bao gồm Giá trị Tài khoản cơ bản và Giá trị Tài khoản đóng thêm (nếu có). Giá trị Tài khoản cơ bản và Giá trị Tài khoản đóng thêm (nếu có) sẽ thay đổi trong những trường hợp sau:

	Giá trị Tài khoản cơ bản	**Giá trị Tài khoản đóng thêm**
Tăng	(i) Phí bảo hiểm cơ bản được phân bổ; (ii) Lãi đầu tư; (iii) Thưởng sự kiện đặc biệt (nếu có)	(i) Phí bảo hiểm đóng thêm được phân bổ; (ii) Lãi đầu tư; (iii) Thưởng định kỳ; (iv) Thưởng đặc biệt.
Giảm	(i) Thanh toán Khoản khấu trừ hàng tháng; (ii) Rút tiền từ Tài khoản cơ bản	(i) Thanh toán Khoản khấu trừ hàng tháng trong trường hợp Giá trị Tài khoản cơ bản không đủ để thanh toán Khoản khấu trừ hàng tháng; (ii) Rút tiền từ Tài khoản đóng thêm

Vì vậy, Giá trị Tài khoản hợp đồng thực tế có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với giá trị thể hiện ở Tài liệu minh họa bán hàng này.

6. Bên mua bảo hiểm có quyền yêu cầu chấm dứt Hợp đồng trước hạn (bằng cách gửi yêu cầu đến Generali Việt Nam). Khi đó, Generali Việt Nam sẽ chi trả Giá trị hoàn lại của Hợp đồng (nếu có). Giá trị hoàn lại của Hợp đồng tương ứng với Giá trị hoàn lại của Tài khoản cơ bản cộng với Giá trị Tài khoản đóng thêm.
   Trong đó: Giá trị hoàn lại của Tài khoản cơ bản bằng Giá trị Tài khoản cơ bản trừ đi Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn tính trên Tài khoản cơ bản.

V. CÁCH THỨC PHÂN BỔ PHÍ BẢO HIỂM

Trừ trường hợp Bên mua bảo hiểm có yêu cầu cụ thể về cách thức phân bổ phí theo quy định của Generali Việt Nam tại từng định kỳ đóng phí đến hạn, phí bảo hiểm sẽ được phân bổ theo thứ tự sau (thứ tự này cũng được thể hiện tương ứng trên Tài liệu minh họa bán hàng này):

A. Hợp đồng có sản phẩm bán kèm

1. Phí bảo hiểm cơ bản theo định kỳ chưa được đóng đủ của các Năm hợp đồng trước đó (nếu có);
2. Phí bảo hiểm cơ bản theo định kỳ đến hạn chưa được đóng đủ của Năm hợp đồng hiện tại;
3. Phí bảo hiểm của (các) sản phẩm bán kèm theo định kỳ đến hạn nhưng chưa được đóng đủ của Năm hợp đồng hiện tại. Trường hợp khoản phí đóng vào không đủ để đóng cho tất cả sản phẩm bán kèm của Hợp đồng, Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu phân bổ phí vào (các) sản phẩm bán kèm tương ứng với khoản phí đóng. Trường hợp Bên mua bảo hiểm không có yêu cầu phân bổ phí cho bất kỳ sản phẩm bán kèm nào, toàn bộ khoản phí này sẽ được phân bổ vào Phí bảo hiểm đóng thêm. Khi đó, sau khi kết thúc Thời gian gia hạn đóng phí, (các) sản phẩm bán kèm sẽ mất hiệu lực tại ngày đến hạn đóng phí.
4. Phí bảo hiểm đóng thêm.

Từ Năm hợp đồng thứ 05 trở đi, Bên mua bảo hiểm có thể gửi yêu cầu đến Generali Việt Nam để tạm ngưng đóng Phí bảo hiểm cơ bản và chỉ tiếp tục đóng phí cho (các) sản phẩm bán kèm (nếu có) nếu Giá trị Tài khoản hợp đồng đủ để duy trì hiệu lực Hợp đồng.

B. Hợp đồng không có sản phẩm bán kèm

Cách thức phân bổ phí được quy định tại Quy tắc và Điều khoản sản phẩm Bảo hiểm Liên kết chung - Phiên bản 2024 - Đóng phí định kỳ

VI. LƯU Ý QUAN TRỌNG VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

1. Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm cần tuân thủ các quy định tại Hợp đồng bảo hiểm để bảo đảm quyền và lợi ích khi tham gia bảo hiểm, đặc biệt là nghĩa vụ về đóng phí và cung cấp thông tin.
2. Nghĩa vụ cung cấp thông tin: Hợp đồng được phát hành trên cơ sở Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm đảm bảo tất cả các thông tin cung cấp tại Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm là đầy đủ và chính xác. Thông tin không chính xác hoặc không đầy đủ có thể dẫn đến việc quyền lợi bảo hiểm sẽ không được chi trả và Hợp đồng có thể bị hủy bỏ.
3. Thời gian cân nhắc: Bên mua bảo hiểm có 21 ngày kể từ ngày nhận được Hợp đồng để (i) Kiểm tra toàn bộ thông tin của Hợp đồng; và (ii) Thay đổi quyết định tham gia bảo hiểm (bằng cách gửi văn bản đến Generali Việt Nam). Nếu có bất kỳ thông tin nào chưa chính xác hay chưa đầy đủ, Bên mua bảo hiểm cần thông báo kịp thời cho Generali Việt Nam trong thời hạn nêu trên. Nếu Bên mua bảo hiểm từ chối tham gia bảo hiểm, Hợp đồng sẽ được hủy bỏ và Generali Việt Nam sẽ hoàn trả toàn bộ phí bảo hiểm đã đóng (không có lãi), sau khi trừ đi các quyền lợi đã chi trả trước đó và các chi phí kiểm tra sức khỏe (nếu có).
4. Đóng phí bảo hiểm: Bên mua bảo hiểm cần đóng phí theo đúng quy định để duy trì hiệu lực Hợp đồng. Các sản phẩm liên kết chung và liên kết đơn vị có tính năng cho phép Bên mua bảo hiểm tạm ngưng đóng phí sau một số năm. Tuy nhiên, xin lưu ý: việc tạm ngưng đóng phí có thể làm cho Hợp đồng mất hiệu lực và/hoặc không đạt được kết quả đầu tư như mong muốn.
5. Thời gian chờ: là khoảng thời gian mà sự kiện bảo hiểm xảy ra trong khoảng thời gian đó sẽ không được Generali Việt Nam chi trả quyền lợi bảo hiểm. Thời gian chờ được quy định chi tiết tại Quy tắc và Điều khoản của từng sản phẩm. Thời gian chờ được tính từ ngày sản phẩm bắt đầu có hiệu lực, hoặc ngày khôi phục hiệu lực gần nhất (tùy vào ngày nào đến sau).
6. Cập nhật thông tin: Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm cần thông báo kịp thời và bổ sung đầy đủ chứng từ cho Generali Việt Nam khi (i) Có thay đổi về nơi cư trú, thông tin liên lạc, chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước hoặc căn cước công dân, hộ chiếu; hoặc (ii) Ra nước ngoài từ 90 ngày liên tục trở lên; hoặc (iii) Thay đổi người thụ hưởng.
7. **Bên mua bảo hiểm có thể: (i) Tự xây dựng kế hoạch bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị/liên kết chung dự kiến tham gia thông qua công cụ tính phí tại website của Generali Việt Nam theo đường dẫn: https://generali.vn/cong-cu-tinh-phi/; và (ii) Tham khảo quy tắc, điều khoản của các sản phẩm bảo hiểm dự kiến tham gia tại website của Generali Việt Nam theo đường dẫn: https://generali.vn/page/thu-vien-thong-tin/tai-lieu-bieu-mau**

Mọi thắc mắc, Quý khách có thể liên hệ hotline 1900 969675 hoặc trực tiếp tại các trung tâm dịch vụ khách hàng của Generali:
https://generali.vn/bao-hiem-ca-nhan/lien-he/ho-tro/danh-sach-dia-diem

XÁC NHẬN CỦA TƯ VẤN BẢO HIỂM	XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM & NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM	
Tôi xác nhận đã giải thích đầy đủ và đã tư vấn cho (những) khách hàng có tên nêu trên về chi tiết của Tài liệu minh họa bán hàng này cũng như nội dung của (các) Quy tắc và Điều khoản, điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm của Hợp đồng bảo hiểm.	- Tôi/Chúng tôi xác nhận đã đọc kỹ, đã được tư vấn đầy đủ và đã hiểu rõ các nội dung chi tiết trên tất cả các trang của Tài liệu minh họa bán hàng này cũng như nội dung của (các) Quy tắc và Điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm. Tôi/Chúng tôi đã hiểu rõ quyền lợi và nghĩa vụ của Tôi/Chúng tôi theo quy định của Hợp đồng bảo hiểm. - Tôi/Chúng tôi đã được giải thích đầy đủ và đã hiểu rõ điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm của (các) sản phẩm liệt kê trong Tài liệu minh họa bán hàng này. - Tôi/Chúng tôi hiểu rằng Hợp đồng được phát hành trên cơ sở Tôi/Chúng tôi đảm bảo tất cả các thông tin cung cấp tại Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm là đầy đủ và chính xác. Thông tin không chính xác hoặc không đầy đủ có thể dẫn đến việc quyền lợi bảo hiểm sẽ không được chi trả và Hợp đồng có thể bị hủy bỏ. - Tôi/Chúng tôi hiểu rằng việc giao kết Hợp đồng bảo hiểm là một cam kết dài hạn, việc Tôi/Chúng tôi hủy bỏ/chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm có thể dẫn đến việc không nhận lại được giá trị tương đương với khoản phí bảo hiểm đã đóng. - Tôi/Chúng tôi hiểu và đồng ý rằng: i) Tài liệu minh họa bán hàng này chỉ có giá trị minh họa; ii) Các quyền lợi và điều kiện bảo hiểm được quy định tại Quy tắc và Điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm. - Tôi/Chúng tôi hiểu rằng Hợp đồng bảo hiểm này sẽ mất hiệu lực nếu Phí bảo hiểm không được đóng đầy đủ và đúng hạn trong vòng 04 Năm hợp đồng đầu tiên, hoặc giá trị Tài khoản hợp đồng không đủ để trừ Khoản khấu trừ hàng tháng. - Tôi/Chúng tôi xác nhận đã được tư vấn đầy đủ và đồng ý về cách thức phân bổ phí bảo hiểm và được thể hiện tại Tài liệu minh họa bán hàng này.	
	BÊN MUA BẢO HIỂM	**NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM**
Họ và tên: Ngày: ……./……./…….	Họ và tên: NGUYỄN VĂN A Ngày: ……./……./…….	Họ và tên: Ngày: ……./……./…….

Tài liệu minh họa bán hàng này được lập thông qua ứng dụng điện tử Genova của Generali Việt Nam và được Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm và Tư vấn bảo hiểm xác nhận bằng Thư xác nhận yêu cầu bảo hiểm qua ứng dụng điện tử Genova